

*** BIỂU ĐỒ TRÒN**

GV yêu cầu HS dựa vào bảng số liệu sau đây.

Các ngành kinh tế	Tỉ trọng trong cơ cấu GDP (%)	
	1995	2001
Nông – Lâm – Thủy sản	28,4	25,0
Công nghiệp – Xây dựng	27,1	27,0
Dịch vụ	44,5	48,0

a. Hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Ấn Độ từ năm 1995 đến năm 2001 ?

b. Nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu GDP của Ấn Độ ?

a. Hãy vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Ấn Độ từ năm 1995 đến năm 2001 ?

GV hướng dẫn học sinh cách vẽ biểu đồ tròn.

*** Biểu đồ hình tròn**

- Thường dùng để biểu diễn cơ cấu thành phần của 1 tổng thể và qui mô của đối tượng cần trình bày.
- Chỉ được thực hiện khi giá trị tính của các đại lượng được tính bằng % và các giá trị thành phần cộng lại bằng 100%.

Ví dụ : Biểu đồ cơ cấu tổng sản phẩm trong nước của nền kinh tế Ấn Độ .

*** Các bước tiến hành khi vẽ biểu đồ hình tròn**

- Bước 1: Xử lí số liệu (Nếu số liệu của đề bài cho là số liệu thô ví dụ như tỉ đồng , triệu người thì ta phải đổi sang số liệu tính qui về dạng %)

- Bước 2 : Xác định bán kính của hình tròn

* Lưu ý: Bán kính của hình tròn cần phù hợp với khổ giấy để đảm bảo tính trực quan và mỹ thuật cho bản đồ. Trong trường hợp phải vẽ biểu đồ bằng những hình tròn có bán kính khác nhau thì ta phải tính toán bán kính cho các hình tròn

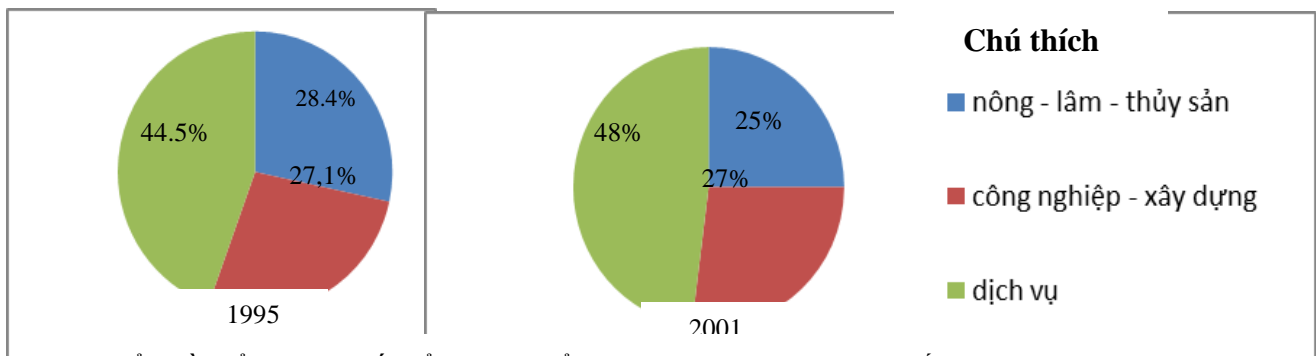
- Bước 3 : Chia hình tròn thành những nan quạt theo đúng tỉ lệ và trật tự của các thành phần có trong đề bài cho.

Lưu ý : toàn bộ hình tròn là 360°, tương ứng với tỉ lệ 100% .

Như vậy, tỉ lệ 1% ứng với 3,6° độ trên hình tròn

+ Khi vẽ các nan quạt nên bắt đầu từ tia 12 giờ và lần lượt vẽ theo chiều thuận với chiều quay của kim đồng hồ. Thứ tự các thành phần của các biểu đồ phải giống nhau để tiện cho việc so sánh.

- Bước 4 : Hoàn thiện bản đồ (ghi tỉ lệ của các thành phần lên biểu đồ, tiếp theo ta sẽ chọn kí hiệu thể hiện trên biểu đồ và lập bảng chú giải, cuối cùng ta ghi tên biểu đồ



Biểu đồ thể hiện cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Ấn Độ từ năm 1995 đến năm 2001

*** BIỂ**

GV cho bảng số liệu:

Vẽ biểu đồ và nhận xét sự gia tăng dân số của châu Á theo số liệu dưới đây:

Năm	1800	1900	1950	1970	1990	2002
Số dân (Triệu người)	600	880	1402	2100	3110	3766

Dạng này sử dụng để chỉ sự khác biệt về qui mô khối lượng của 1 hay một số đối tượng địa lí hoặc sử dụng để thực hiện tương quan về độ lớn giữa các đại lượng.

Ví dụ : Vẽ biểu đồ so sánh dân số, diện tích ...của 1 số tỉnh (vùng , nước) hoặc vẽ biểu đồ so sánh sản lượng (lúa , ngô , điện , than...) của 1 số địa phương qua 1 số năm.

Dấu hiệu nhận biết

Khi đề bài yêu cầu vẽ biểu đồ thể hiện sự phát triển, so sánh tương quan về độ lớn các đại lượng của các thành phần (hoặc qua mốc thời gian).

Các bước tiến hành khi vẽ biểu đồ hình cột

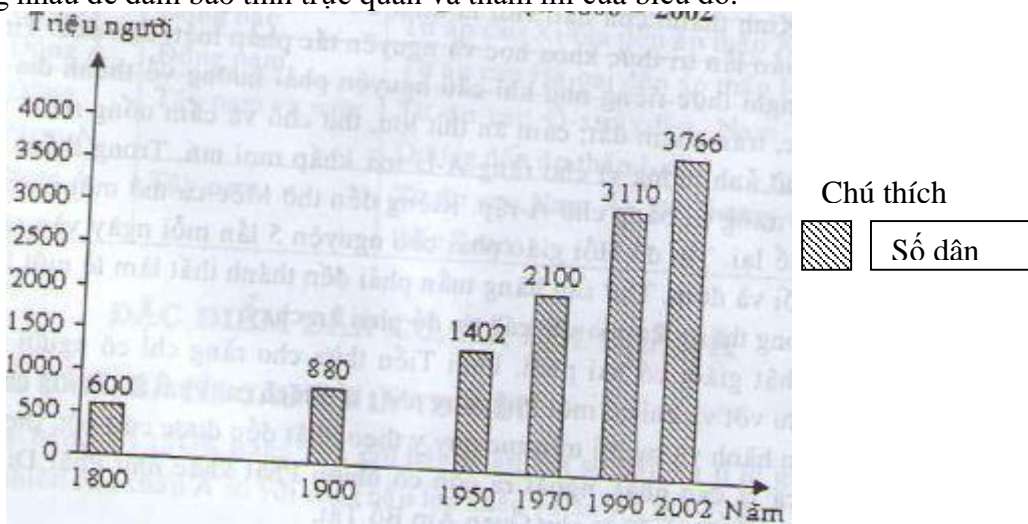
- Bước 1 : Chọn tỉ lệ thích hợp
- Bước 2: Kẻ hệ trục vuông góc (trục đứng thể hiện đơn vị của các đại lượng , trục ngang thể hiện các năm hoặc các đối tượng khác nhau)
- Bước 3: Tính độ cao của từng cột cho đúng tỉ lệ rồi thể hiện trên giấy
- Bước 4: Hoàn thiện bản đồ (ghi các số liệu tương ứng vào các cột tiếp theo vẽ kí hiệu vào cột và lập bản chú giải cuối cùng ta ghi tên biểu đồ)

Một số dạng biểu đồ hình cột thường gặp

- +Biểu đồ cột đơn
- +Biểu đồ cột chồng
- +Biểu đồ cột đơn gộp nhóm (loại này gồm 2 loại cột ghép cùng đại lượng và cột ghép khác đại lượng)
- +Biểu đồ thanh ngang

* Lưu ý :

- Các cột chỉ khác nhau về độ cao còn bề ngang của các cột phải bằng nhau .
- Tùy theo yêu cầu cụ thể mà vẽ khoảng cách các cột bằng nhau hoặc cách nhau theo đúng tỉ lệ thời gian .
- Cần lưu ý là ở biểu đồ hình cột thì việc thể hiện độ cao của các cột là điều quan trọng hơn cả bởi vì nó cho thấy rõ sự khác biệt vì qui mô số lượng giữa các năm hoặc các đối tượng cần thể hiện .
- Còn về khoảng cách các năm, nhìn chung cần theo đúng tỉ lệ . Tuy nhiên, trong 1 số trường hợp có thể vẽ khoảng cách các cột bằng nhau để đảm bảo tính trực quan và thẩm mỹ của biểu đồ.



Biểu đồ thể hiện tốc độ gia tăng dân số Châu Á giai đoạn 1800 – 2002

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Bài 14: ĐÔNG NAM Á ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO.

Câu 1: Đông Nam Á là cầu nối giữa:

- a. Châu Á – Châu Âu
- b. Châu Á – Châu Đại Dương
- c. Châu Á – Châu Phi
- d. Châu Á – Châu Mỹ.

Câu 2: Đảo lớn nhất khu vực và đứng thứ ba thế giới là:

- a. Xu-ma-tơ-ra
- b. Ca-li-man-tan
- c. Gia-va
- d. Xu-la-vê-di.

Câu 4: Sông nào sau đây không nằm trong hệ thống sông ngòi Đông Nam Á?

- a. Sông Hồng
- b. Sông Mê Kông
- c. Sông Mê Nam
- d. Sông Liêu Hà.

Bài 15: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á.

Câu 1: Quốc gia nào ở Đông Nam Á vừa có lãnh thổ ở bán đảo vừa ở đảo?

- a. Thái Lan
- b. Ma-lai-xi-a
- c. In-đô-nê-xi-a
- d. Lào.

Câu 2: Quốc gia có diện tích nhỏ nhất ở Đông Nam Á là:

- a. Bru-nây
- b. Đông Ti-mo
- c. Xin-ga-po
- d. Cam-pu-chia.

Câu 3: Khu vực Đông Nam Á hiện có bao nhiêu quốc gia?

- a. 9 b.10 c.11 d.12

Bài 16: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á.

Câu 1: Nền kinh tế các nước Đông Nam Á phát triển nhanh nhưng chưa vững chắc là do:

- a. Thiên nhiên nhiều biến động b. Chưa quan tâm nhiều đến môi trường
c. Bị tác động từ bên ngoài d. Tất cả các ý trên.

Câu 2: Từ 1990 – 1996 các nước có nền kinh tế tăng trưởng ổn định là:

- a. Phi-lip-pin b. Ma-lai-xi-a
c. Việt Nam d. Cả ba nước trên.

Câu 3: Tỷ trọng nông nghiệp của nước nào giảm mạnh?

- a. Lào b. Cam-pu-chia
c. Thái Lan Phi-lip-pin.

Bài 17: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á.

Câu 1: Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập vào:

- a. 02 – 08 – 1964 b. 04 – 08 – 1965
c. 06 – 08 – 1966 d. 08 – 08 – 1967

Câu 2: Nước nào sau đây không nằm trong 5 nước đầu tiên gia nhập Hiệp hội?

- a. Thái Lan b. In-đô-nê-xi-a
c. Bru-nây d.Xin-ga-po.

Câu 3: Đến năm 1999, nước nào chưa gia nhập Hiệp hội?

- a. Bru-nây b. Mi-an-ma
c. Đông-ti-mo d. Cam-pu-chia.

Câu 4: Mục tiêu của Hiệp hội khi mới thành lập là:

- a. Liên minh về quân sự b. Liên minh về kinh tế
c. Phát triển văn hoá d. Tất cả các ý trên.

Câu 5: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm:

- a. 1995 b. 1996 c. 1997 d.1998.

Bài 22: VIỆT NAM – ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI.

Câu1: Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ bao gồm:

- a. Đất liền và hải đảo b. Vùng biển
c. Vùng trời d. Cả ba ý trên.

Câu 2: Phần đất liền của Việt Nam không tiếp giáp quốc gia nào sau đây?

- a. Thái Lan b. Trung Quốc
c. Lào d. Cam-pu-chia.

Câu 3: Con đường xây dựng và phát triển của đất nước Việt Nam từ khi thành lập đến nay có thể chia thành các giai đoạn:

- a. 2 giai đoạn b. 3 giai đoạn
c. 4 giai đoạn d. 5 giai đoạn.

Câu 4: Công cuộc đổi mới của đất nước ta bắt đầu vào những năm:

- a. 1945 b. 1975 c. 1986 d. 2000.

Bài 23: VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG LÃNH THỔ VIỆT NAM.

Câu 1: Phần đất liền của Việt Nam kéo dài trên bao nhiêu vĩ tuyến?

- a. 11 b. 13 c. 15 d. 17.

Câu 2: Đặc điểm nổi bật của tự nhiên Việt Nam là:

- a. Nội chí tuyến, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á
b. Cầu nối giữa Đông Nam Á đất liền và hải đảo
c. Vị trí tiếp xúc giữa các luồng gió mùa và sinh vật
d. Tất cả các ý trên.

Câu 3: Vùng biển Việt Nam rộng khoảng 1 triệu km² là:

- a. Biên Đông b. Một bộ phận của biển Đông
c. Một bộ phận của vịnh Thái Lan d. Một bộ phận của Ấn Độ Dương.

Câu 4: Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ:

- a. Móng Cái đến Vũng Tàu
- c. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên

- b. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
- d. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 5: Hình dạng lãnh thổ Việt Nam có thể phát triển các loại hình giao thông nào?

- a. Đường bộ, đường sắt
- c. Đường hàng không
- b. Đường sông, đường biển
- d. Tất cả các loại hình trên.

Bài 24. VÙNG BIỂN VIỆT NAM.

Câu 1: Biển Đông là một bộ phận của Thái Bình Dương là:

- a. Một biển lớn
- c. Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa
- b. Tương đối kín
- d. Tất cả các ý trên.

Câu 2: Biển Đông thông với những đại dương nào?

- a. Thái Bình Dương
- c. Ấn Độ Dương
- b. Đại Tây Dương
- d. Cả a, c đúng.

Câu 3: Khí hậu của biển Đông có những đặc điểm:

- a. Có hai mùa gió: Đông Bắc và Tây Nam
- c. Biên độ nhiệt nhỏ, mưa ít hơn trong đất liền
- b. Nóng quanh năm
- d. Tất cả các ý trên.

Câu 4: Chế độ hải văn của Biển Đông thay đổi theo:

- a. Theo mùa
- c. Theo độ sâu
- b. Theo vĩ độ
- d. Tất cả các ý trên.

II. TỰ LUẬN

1. Kinh tế các nước Đông Nam Á có đặc điểm gì? Tại sao các nước tiến hành công nghiệp hóa nhưng kinh tế phát triển chưa vững chắc?
2. Nêu những đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí về mặt tự nhiên? Vị trí, hình dạng lãnh thổ có thuận lợi - khó khăn gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?
3. Kể tên các quốc gia gia nhập ASEAN theo thứ tự thời gian.
4. Vùng biển Đông đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối kinh tế và đời sống của nhân dân ta?